

<第3期>「にほんごこんにちは」申込書

Application for "Elementary Japanese Language Course"・「基础日语讲座」报名表
 '초급 일본어 교실' 신청서・Đơn xin "Lớp học tiếng Nhật cơ bản"



おおさかしりつなんばしみがくしゅうせんと
 大阪市立難波市民学習センター
 「にほんごこんにちは」係 行
 FAX: 06-6643-7050

ふりがな Furigana 标上假名读音 한자와 영문, 또는 영문 Furigana		年齢 Age 年齢 연령 Tuổi		歳 yrs. 岁 세 Tuổi
名前 Name 姓名 성명 Tên				
郵便番号、住所、部屋番号 Postal Code, Address, Room number 邮编、地址、房间号码 우편번호, 주소, 방번호 Mã bưu điện, Địa chỉ, Số phòng				
電話番号 Phone number 전화번호 Số điện thoại		FAX番号 Fax number FAX번호 Số fax		
国はどこですか? Nationality 国籍 국적 Quốc tịch		第1言語 First language 第一语言 제1언어 Ngôn ngữ đầu tiên		第2言語 Second language 第二语言 제2언어 Ngôn ngữ thứ hai
なぜ日本にきましたか? Purpose for coming to Japan 来日目的 일본에 오신 목적 Mục đích đến Nhật Bản		ワーキングホリデーの方・留学生は申し込みできません。 Persons in Japan on working-holiday and foreign exchange students cannot apply for this course. 打工度假的人士、留学生不可报名。 워킹홀리데이 신분인 분이나 유학생은 신청하실 수 없습니다. Những người ở Nhật Bản đang trong kỳ nghỉ làm việc và sinh viên trao đổi nước ngoài không thể đăng ký khóa học này		
朝のコースか夜のコース、どちらかを選びます。 (朝と夜は同じ内容です) ※どちらかひとつにチェック☑をします。 Requested course (The contents of both courses are the same.) ※Please check only one box☑. Students cannot take both the morning and night courses. 希望参加的班(教学内容相同) ※请选择其中一项, 并填写☑ 上午和晚上, 不可以同时参加二个班。 희망 코스(수업 내용은 같습니다) ※ 희망하시는 코스 하나만 체크하시기 바랍니다. 오전 코스 또는 저녁 코스 어느 한쪽에☑표를 해 주십시오. Chọn khóa học buổi sáng hoặc khóa học buổi tối (Nội dung của cả hai khóa học đều giống nhau.) ※ Vui lòng chỉ đánh dấu vào một ô ☑		朝のコース Morning course (午前10時~12時, 定員60名) (10:00 a.m.-12:00 p.m., maximum enrollment: 60) ● 朝のコース (上午10時~12時, 定員60名) ● 오전 코스 (오전 10시부터 12시, 정원 60명) ● 朝のコース (10:00 sáng ~ 12:00 tối đa là 60 người) 夜のコース Night course (午後7時~9時, 定員30名) (7:00 p.m.-9:00 p.m., maximum enrollment: 30) ● 夜のコース (晚上7時~9時, 定員30名) ● 저녁 코스 (오후 7시부터 9시, 정원 30명) ● 夜のコース (7:00~9:00 tối đa là 30 người)		
この教室を何で知りましたか? ※どれかひとつにチェック☑をします。 How did you learn about this class? ※Please check only one box☑. 您从何处得知这个教室的? 请在选项中选择一项: ☑ 이 교실을 어떻게 알게 되었습니까? 어느 한쪽에☑표를 해 주십시오. Bạn biết đến lớp học này như thế nào? ※ Vui lòng chỉ đánh dấu vào một ô ☑		ちらし Brochure ☐ 宣传单 광고지 Tờ rơi 生涯学習センター Learning and activity center ☐ 生涯学习中心 평생 학습센터 Trung tâm học tập và hoạt động ホームページまたはフェイスブック Website or Facebook ☐ 网页或者FACEBOOK 홈페이지 또는 페이스북 Trang web hoặc Facebook 友だち・知り合いから Friends or acquaintances ☐ 朋友或友人介绍 친구・지인 Bạn bè hoặc người quen その他 Other ☐ 其它 기타 Người khác		



■難波市民学習センターの行き方
 ○Osaka Metro 御堂筋線・四つ橋線・千日前線なんば駅 下車
 ○近鉄線・阪神線大阪難波駅/南海難波駅 下車
 ○JR難波駅上/大阪シティバスJR難波駅前 下車すぐ
 OCATビル4Fへ

■Directions to Namba Citizens' Learning Center
 Located at the 4th floor of OCAT
 ○Short walk from Namba Station of the Osaka Metro Midosuji, Yotsubashi and Sennichimae Lines
 ○Short walk from Osaka-Namba Station of Kintetsu and Hanshin RR/Namba Station of Nankai RR
 ○Above JR Namba Station/Short walk from JR Nambaekimae Osaka city bus stop

■難波市民学習センターの交通路
 ○Osaka Metro 御堂筋線・四つ橋線・千日前線「難波」站下车
 ○近鉄線・阪神線大阪難波駅/南海難波站下车
 ○JR難波駅上/大阪都市バスJR難波駅前下车即是
 然后前往OCAT大楼4楼

■난바 시민학습센터 교통편
 ○Osaka Metro 미도스지선·요쓰바시선·센니치마에선 난바 역 하차
 ○킨테쓰선·한신선 오사카 난바 역/난카이 난바 역 하차
 ○JR 난바 역 위/오사카 시티 버스 JR 난바 에키마에에서 하차하여 바로 근처 OCAT 빌딩 4층

■Chỉ đường đến Trung tâm học tập thị dân Namba
 Tòa lạc tại tầng 4 của OCAT
 ○Osaka Metro Midosuji, Yotsubashi, Sennichimae Lines Ga xe điện ngầm Namba
 ○Kintetsu, Hanshin Lines Ga xe điện ngầm Osaka Namba/Nankai Ga xe điện ngầm Namba
 ○Phía trên ga JR Namba / Trạm xe buýt Osaka city bus JR Namba ekimae